

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/DS - PT

Ngày 03-10-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Thẩm phán: 1. Bà Hoàng Lan Phương

2. Bà Lê Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Bà Thiều Thị Hương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2019/TLPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy T - sinh năm: 1952, (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 1/152, phố G, thị trấn S, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Văn N –Luật sư Công ty luật N thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân L - Sinh năm: 1980, (có mặt).

Chị Đào Thị H - Sinh năm: 1986 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 221, phố T, thị trấn S, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người làm chứng:

3.1. Ông: Đào Ngọc P, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 220 phố T, thị trấn S, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Anh: Trần Xuân H (vắng mặt)

Địa chỉ: Đoàn 5 xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2017, các bản tự khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Huy T trình bày:

Ngày 23/6/2015, vợ chồng anh Nguyễn Xuân L và chị Đào Thị H có vay của ông 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất 2% tháng có giấy vay tiền. Thời hạn vay là 3 tháng, nhưng khi hết hạn vợ chồng anh L không trả số tiền trên cho ông, nên ông đã gửi đơn lên đơn vị của anh L để báo cáo và đến nay anh L và chị H cũng không trả cho ông. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết để ông nhận lại số tiền gốc là 150.000.000đ và số tiền lãi, 27 tháng 5 ngày là: 81.100.000đ; tổng số tiền là: 231.100. 000đ (hai trăm ba mươi một triệu một trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Xuân L và chị Đào Thị H trình bày: Anh L, chị H khẳng định không có giao dịch vay mượn khoản tiền 150.000.000đ và không có chữ viết hoặc ký giấy tờ vay tiền với ông T, nên nay ông T khởi kiện yêu cầu anh chị trả số tiền gốc và lãi trên anh chị không đồng ý.

Ngày 18/12/2017, ông T làm đơn đề nghị Tòa án đi giám định chữ ký của anh L và chị H nếu bên nào sai thì bên đó chịu trách nhiệm với pháp luật.

Theo kết luận giám định ngày 26/02/2018 số 420/KLGD-PC 54 kết luận về đối tượng giám định:

1. Chữ viết họ tên “Nguyễn Xuân L” ở mục “người viết” của tài liệu cần giám định (kí hiệu A) so với chữ viết họ tên “Nguyễn Xuân L” được nêu trong mục II.2 trên các tài liệu mẫu so sánh (kí hiệu M1, M2, M3, M4, M5, M7) không phải do một người viết ra;

Chữ ký đứng tên “ Nguyễn Xuân L” ở mục “Người viết” của tài liệu cần giám định (kí hiệu A) so với chữ ký đứng tên “Nguyễn Xuân L” được nêu trong mục II.2 trên các tài liệu mẫu so sánh (kí hiệu M1,M2,M3,M4,M5,M7) thì Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn cung cấp thêm mẫu chữ ký của Nguyễn Xuân L trước thời điểm tháng 6/2015 để giám định kết luận.

2. Chữ viết họ tên “Đào Thị H” ở mục “Vợ” của tài liệu cần giám định (kí hiệu A) so với chữ viết họ tên “Đào Thị H” được nêu trong mục II.2 trên tài liệu mẫu so sánh (kí hiệu M2,M6) không phải do một người viết ra.

Chữ ký đứng tên “Đào Thị H” ở mục “Vợ” của tài liệu cần giám định (kí hiệu A) so với chữ ký đứng tên “Đào Thị H” được nêu trong mục II.2 trên tài liệu mẫu

so sánh (kí hiệu M2, M6) thì Tòa án Nhân dân huyện Triệu Sơn cung cấp thêm mẫu chữ ký của Đào Thị H trước thời điểm tháng 6/2015 để giám định kết luận.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, anh L có làm đơn đề nghị giám định chữ viết trong giấy vay nợ xem có đúng là chữ ký của anh L hay của ông T.

Ngày 15/06/2018, Kết luận giám định số 1040/ KLGD-PC 54 kết luận về đối tượng giám định:

1. Chữ viết trên tài liệu cần giám định (kí hiệu A) so với chữ viết đứng tên Nguyễn Xuân L và Đào Thị H được nêu trong mục II.2 trên các tài liệu mẫu so sánh (kí hiệu M1 đến M10) không phải do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký đứng tên “Nguyễn Xuân L” trên tài liệu cần giám định (kí hiệu A) so với chữ ký đứng tên “Nguyễn Xuân L” được nêu trong mục II.2 trên các tài liệu mẫu so sánh (kí hiệu M1,M2,M3,M4,M5,M7,M8,M10) không phải do cùng một người viết ra.

3. Chữ ký đứng tên “Đào Thị H” ở mục “Vợ” của tài liệu cần giám định (kí hiệu A) so với chữ ký đứng tên “Đào Thị H” được nêu trong mục II.2 trên các tài liệu mẫu so sánh (kí hiệu M2, M6, M9), Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn cung cấp thêm mẫu chữ ký của Đào Thị H trước thời điểm tháng 6/2015 để giám định kết luận.

Ngày 07/08/2018, ông T đã nộp bản tường trình về băng ghi âm vào ngày 23/7/2017, và Bản tường trình về việc anh L và ông Đào Ngọc P(bố vợ L) cùng Đào Ngọc Hùng (anh vợ) còn có anh Trần Xuân Hoàn - Phó phòng TM và KH đoàn 5 cơ quan anh L đến nhà ông. Theo ông mọi người đến để xác nhận gia đình anh L và chị H có viết giấy vay của ông số tiền 150.000.000đ, gia đình có nhận số tiền trên và nhận sẽ trả tiền cho ông.

Ngày 27/03/2019, phòng hình sự công an tỉnh Thanh Hóa trả lời không tiếp nhận do thời gian trưng cầu quá xa.

Ngày 16/5/2019, ông T có đơn gửi Tòa án không yêu cầu giám định chữ ký của cô H và đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết.

Người bào chữa cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn N có Luận cứ: Từ những phân tích và căn cứ được viện dẫn tại các điều Luật:

- Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 121, 122 Bộ luật dân sự năm 2005, nó là một dạng hợp đồng vay tài sản (vay tiền) được điều chỉnh tại Điều 388, Điều 471, Điều 472, Điều 473, Điều 474, Điều 475, Điều 476, Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005. Và được tái tục quy định tại các Điều 385, 463, 464, 465, 466, 467, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Luật sư kính đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Huy T, buộc vợ chồng anh Nguyễn Xuân L phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền nợ gốc 150 triệu đồng vay của ông Nguyễn Huy T.

- Căn cứ khoản 2, Điều 467 Bộ luật dân sự 2005, buộc vợ chồng anh L, chị H phải thanh toán cho ông T số tiền lãi suất cơ bản ngân hàng nhà nước theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam. Thời điểm tính lãi chậm trả từ ngày phát sinh nghĩa vụ trả là 24/09/2015 cho đến ngày 20/06/2019 là 1367 ngày. $1367/365 \times 9\% \times 150.000.000 \text{ đồng} = 50.560.274 \text{ đồng}$. Vậy tổng số tiền bên bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 200.560.274 đồng.

Tại Bản án số 08/2019/DS-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 398; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy T yêu cầu anh Nguyễn Xuân L và chị Đào Thị H phải trả nợ số tiền gốc là 150.000.000đ và số tiền lãi tính đến ngày 27 tháng 5 ngày là 81.100.000đ. Tổng số tiền là 231.100.000đ (hai trăm ba mươi một triệu một trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 02/7/2019, nguyên đơn là ông Nguyễn Huy T kháng cáo, với nội dung: Bản án dân sự sơ thẩm xét xử không công bằng, có nhiều sai phạm về tố tụng; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và xét xử lại từ đầu.

Tại phiên tòa nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng nghiêm trọng nên đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Huy T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét nội dung kháng cáo:

- Theo nguyên đơn trình bày Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm quy định về lập hồ sơ vụ án về đánh số bút lục tài liệu hồ sơ vụ án, đã được đại diện Viện kiểm sát huyện Triệu Sơn chỉ rõ. Đối với việc đánh số bút lục phải đúng theo quy định tại Điều 204 của BLTTDS nên Tòa án cấp thẩm cần rút kinh nghiệm.

- Cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về việc ghi nội dung bản án, cụ thể là không ghi phần ý kiến phát biểu tranh luận của Luật sư là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; không ghi bất kỳ ý kiến nào về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát cùng cấp. Thực tế tại Bản án sơ thẩm đã ghi tóm tắt phần ý kiến của luật sư và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát được ghi tại trang 4 và trang 5 của bản án nên việc kháng cáo nội dung này của ông T là không có cơ sở.

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định sai tư cách tham gia tố tụng đối với ông Đào Ngọc Phụng, theo đó Tòa án đã xác định ông P là người làm chứng là không đúng vì tại buổi làm việc ngày 23/7/2018 ông P đã công nhận nợ và cam kết thực hiện thay nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng anh L, chị H. Tuy nhiên, tại Giấy tường trình, bản tự khai của ông P đều khẳng định ông P không đồng ý trả nợ cho ông T vì vợ chồng anh L, chị H không ký vào giấy vay tiền, không nhận tiền của ông T nên ông P không có trách nhiệm phải trả thay cho vợ chồng anh L, chị H. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông P là người làm chứng là đúng quy định của pháp luật.

- Không triệu tập người làm chứng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai người làm chứng, cho đối chất những nội dung còn mâu thuẫn. Nên việc triệu tập người làm chứng đến phiên tòa là không cần thiết.

- Tòa cấp sơ thẩm không căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa mà chỉ căn cứ vào nội dung giám định là không hợp pháp. Ông T cho rằng chị H đã thừa nhận gửi giấy vay tiền theo xe M lên Đoàn 5 huyện L để anh L ký và anh L thừa nhận đã ký; sau đó chị H đã giao giấy cho ông T và đã nhận 150.000.000đ vào ngày 23/6/2015. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh L, chị H không thừa nhận vay của ông T 150.000.000đ vào ngày 23/6/2015. Chị H thừa nhận có viết giấy vay 150.000.000đ và có gửi cho anh L ký, nhưng chị H không đưa giấy cho ông T và không nhận tiền của ông T mà đưa giấy vay cho ông P (bố đẻ chị H). Ông P thừa nhận có nhận giấy của chị H nhưng ông T không có 150.000.000đ cho vợ chồng chị H vay nên ông đã hủy giấy vay trên. Do ông T chỉ có 120.000.000đ cho

vợ chồng anh L, chị H vay nên ông sang nhận tiền và anh L viết giấy vay ông T số tiền 120.000.000đ vào ngày 06/7/2015. Mặt khác, tại kết quả giám định của cơ quan chức năng khẳng định chữ ký và chữ viết của anh L trong tài liệu cần giám định và mẫu so sánh không phải do cùng một người ký và viết ra (BL 77); chữ ký và chữ viết của chị H trong giấy vay tiền không giám định được nên ông T không yêu cầu giám định nữa. Tại băng ghi âm ngày 23/7/2017 đã được sao ra cụ thể là bản tường trình của ông T gửi cho Tòa án tại phút thứ 17, 17 giây anh L nói; *“Hôm nay cháu muốn giải quyết dứt điểm để cho anh Trần Xuân Hoàng có cái báo cáo về đơn vị là giữa gia đình cháu và gia đình bác không còn vướng mắc gì đến cái nợ nần này. Vì vậy nên để ông P đứng ra nhận nợ thay cháu. Còn cái 67.000.000đ thì hôm nay cháu sẽ trả nốt”*, nhưng sau đó anh L không thừa nhận vay của ông T 150 triệu nên anh L không trả, anh L cho rằng buổi đàm phán hôm đó là do anh sợ liên quan đến công việc nên anh thừa nhận. Hơn nữa trước đó ông T có lên cơ quan anh L yêu cầu anh L trả nợ khoản nợ trên nhưng anh L không thừa nhận. Do vậy, chỉ căn cứ vào biên bản tường trình này như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T để khẳng định anh L, chị H vay ông T số tiền 150 triệu là không có cơ sở.

- Áp dụng điều luật: Ông T khởi kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản căn cứ giấy vay tiền năm 2015, Bộ luật dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực pháp luật thi hành, nên khi xảy ra tranh chấp thì phải áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005. Khi quyết định, cấp sơ thẩm đã áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là chưa chính xác. Tuy nhiên, việc áp dụng này không ảnh hưởng đến nội dung, bản chất của vụ án và không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên không phải hủy bản án mà cần sửa điều luật áp dụng theo quy định tại BLDS năm 2005 là phù hợp nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

* Từ những phân tích trên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí: Vì kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Huy T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng ông T là người cao tuổi nên không phải chịu án phí DSPT; căn cứ khoản 1 Điều 29; điểm đ khoản 1 Điều 12 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của BLTTDS.

* Căn cứ vào các Điều 402; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005. Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Huy T, giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 21/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy T buộc anh Nguyễn Xuân L và chị Đào Thị H phải trả nợ số tiền gốc là 150.000.000; số tiền lãi tính đến ngày 20/6/2019 là 27 tháng 5 ngày là 81.100.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi là 231.100. 000đ (hai trăm ba mươi một triệu một trăm nghìn đồng).

2. Án phí DSPT: Ông Nguyễn Huy T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND huyện Triệu Sơn;
- Chi cục THADS huyện Triệu Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Thủy